

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (các lĩnh vực Tư pháp)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Trên cơ sở kết quả rà soát quy định, thủ tục hành chính đang còn hiệu lực, đã được công bố tại các quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; kết quả rà soát dữ liệu thủ tục hành chính được Bộ Tư pháp chuẩn hóa, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 194 /TTr-STP ngày 31 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (các lĩnh vực Tư pháp);

Cụ thể:

Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa, gồm 23 (hai mươi ba) thủ tục hành chính (TTHC):

- Lĩnh vực Bồi thường nhà nước: 02 TTHC;
- Lĩnh vực Chứng thực: 05 TTHC;
- Lĩnh vực Hộ tịch: 15 TTHC;
- Lĩnh vực Nuôi con nuôi: 01 TTHC.

(Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, ban hành mới và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (các lĩnh vực tư pháp).

2. Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

4. Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch được ban hành mới và sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

5. Danh mục gồm 12 (mười hai) thủ tục hành chính đã được công bố cung cấp Dịch vụ công mức 3 tại Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bạc Liêu.

6. Danh mục gồm 02 (hai) thủ tục hành chính đã được công bố cung cấp Dịch vụ công mức 4 tại Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức độ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bạc Liêu.

7. Danh mục gồm 12 (*Mười hai*) thủ tục hành chính đã được công bố cung cấp Dịch vụ công mức 3, mức 4 tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bạc Liêu.

8. Danh mục gồm 07 (*bảy*) thủ tục hành chính đã được công bố cung cấp Dịch vụ công mức 4 tại Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trưởng, Phó và ChV. các phòng:
NC; KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTT- 10(TT-KSTT)


KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Xuân Thu Vân

Phu lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU
(Các lĩnh vực Tư pháp)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (02 TTHC)

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	2.002190.000.00.00.H04	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	(1) Trực tiếp; (2) Qua dịch vụ bưu chính	<p><u>Cụ thể:</u> Trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường; Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung</p>	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Không quy định	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường Nhà nước	

				<p>hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn tại quy định này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. <p>Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau:</p> <p>(1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường;</p> <p>(2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc,</p>				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

				<p>kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường.</p> <p>Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường, nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài</p>				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

			<p>theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường, nhưng tối đa là 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.</p> <p>Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--

				định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.				
02	1.005462. 000.00.00 .H04	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	(1) Trực tiếp; (2) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Không quy định	(Như trên)	

II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (05 TTHC)

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
03	2.000992. 000.00.00 .H04	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Phí:</u> 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản (Thông tư số 226/2016/TT-BTC)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 26/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTP ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng thực	

							- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
04	2.001008. 000.00.00 .H04	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Trung Hành công huyện	tâm chính cấp	<u>Phí:</u> 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản (Thông tư số 226/2016/TT-BTC)	(Như trên)
05	2.001044. 000.00.00 .H04	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn	Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Trung Hành công huyện	tâm chính cấp	<u>Phí:</u> 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch (Thông tư số 226/2016/TT-BTC)	(Như trên)
06	2.001050. 000.00.00 .H04	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn	Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Trung Hành công huyện	tâm chính cấp	<u>Phí:</u> 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch (Thông tư số 226/2016/TT-BTC)	(Như trên)

07	2.001052.000.00.00.H04	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn	Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm hành chính công huyện	<u>Phí:</u> 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch (Thông tư số 226/2016/TT-BTC)	(Như trên)	
----	------------------------	---	---	--	---------------------------------	---	------------	--

III. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (15 TTHC)

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
08	2.000806.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp	Trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm hành chính công huyện	<u>Lệ phí:</u> 1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; - Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014 - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 	

							số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch - Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2000 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 14 về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	
09	2.000513.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp	Trong 05 ngày làm việc; Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu điện).	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Lệ phí: 1.500.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	
10	1.001766.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP	

				việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.			<p>ngày 28/07/2020 của Chính phủ Quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2000 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 14 về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.</p>	
11	2.000528. 000.00.00 .H04	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>(1) Trực tiếp.</p> <p>(2) Trực tuyến mức 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn</p> <p>(3) Qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<p><u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>(Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)</p>	(Nhu trên)	

12	2.000779. 000.00.00 .H04	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp	Trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 1.500.000 đồng /trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ- HĐND)	(Như trên)	
13	1.001695. 000.00.00 .H04	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp	Trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> - Khai sinh: 75.000 đồng/trường hợp - Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ- HĐND)	(Như trên)	
14	1.001669. 000.00.00 .H04	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong. bac Lieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	- Đối với việc đăng ký giám hộ cử: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ- HĐND)	(Như trên)	

15	2.000756. 000.00.00 .H04	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ- HĐND)	(Như trên)	
16	2.000748. 000.00.00 .H04	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	<i>Đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch:</i> Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc; <i>- Đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch:</i> Ngay trong ngày làm việc, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí</u> 30.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ- HĐND)	(Như trên)	



17	2.002189. 000.00.00 .H04	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	
18	2.000554. 000.00.00 .H04	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	
19	2.000547. 000.00.00 .H04	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	

				minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.				
20	2.000522.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 05 ngày làm việc Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu điện).	Trung tâm hành chính cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	
21	1.000893.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 3 tại địa chỉ: http://dichvucong.baclieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 05 ngày làm việc Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản	Trung tâm hành chính cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	

				trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu điện).				
22	2.000497.000.00.00.H04	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	(1) Trực tiếp. (2) Trực tuyến mức 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.bac Lieu.gov.vn (3) Qua dịch vụ bưu chính	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	(Như trên)	

IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (01 TTHC)

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
23	2.002363.000.00.00.H04	Thủ tục Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	(1) Trực tiếp (2) Qua dịch vụ bưu chính	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện	<u>Lệ phí:</u> 75.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND)	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật	

							<p>Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

							Hội đồng nhân dân tỉnh Khó IX, Kỳ họp thứ 14 về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	
--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tổng số: 23 thủ tục hành chính¹./.

¹ Thực hiện CCMC, MCLT: 23; Cung cấp DVC TT mức 4: 05, mức 3: 11 ; Có quy định nghĩa vụ tài chính: 21